

Số: 12573 /BGTVT-TCCB

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2021

V/v kê khai tài sản, thu nhập lần đầu;
kê khai hằng năm và kê khai bổ sung
năm 2021

Kính gửi:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Các tổ chức tham mưu, giúp việc Bộ trưởng;
- Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia;
- Văn phòng Ban Cán sự đảng Bộ GTVT;
- Văn phòng Đảng – Đoàn thể;
- Tổng cục, các Cục trực thuộc Bộ;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ;
- Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mà Bộ GTVT làm đại diện chủ sở hữu (doanh nghiệp trực thuộc Bộ);
- Doanh nghiệp là công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước mà Bộ làm đại diện chủ sở hữu (DN có vốn góp của Nhà nước).

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (trong đó điểm b khoản 1 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng quy định việc kê khai lần đầu và Điều 9 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP quy định việc kê khai hằng năm và kê khai bổ sung), Bộ Giao thông vận tải yêu cầu các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu; kê khai hằng năm và kê khai bổ sung năm 2021 như sau:

1. Đối tượng phải kê khai năm 2021

1.1. Đối tượng kê khai lần đầu

Việc kê khai lần đầu được thực hiện đối với cá nhân lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng gồm:

- a) Cán bộ, công chức;

b) Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.2. Đối tượng kê khai bổ sung

Việc kê khai bổ sung được thực hiện khi cá nhân có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp đã phải thực hiện việc kê khai hằng năm theo quy định.

1.3. Đối tượng kê khai hằng năm

a) Bộ trưởng, các đồng chí Thứ trưởng, Phó Chủ tịch chuyên trách Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

b) Người giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó trong các tổ chức tham mưu, giúp việc Bộ trưởng, Văn phòng Ban Cán sự đảng, Văn phòng Đảng – Đoàn thể; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ; Vụ trưởng và tương đương thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên).

c) Công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ công tác trong một số lĩnh vực được xác định tại khoản 1,2 Điều 10 và danh mục tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

d) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Nội dung, cách thức kê khai

a) Việc kê khai lần đầu và kê khai hằng năm được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

b) Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

3. Thời điểm kê khai

a) Việc kê khai lần đầu phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

b) Việc kê khai bổ sung và kê khai hằng năm phải hoàn thành **trước ngày 10/12/2021**.

4. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

a) Bản kê khai tài sản, thu nhập (sau đây viết tắt là bản kê khai) của Bộ trưởng, các đồng chí Thứ trưởng, Phó Chủ tịch chuyên trách Ủy ban An toàn giao

thông Quốc gia; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam được niêm yết tại trụ sở Bộ.

b) Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống được niêm yết tại đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo cấp phòng trở lên trong đơn vị, nơi không tổ chức đơn vị cấp phòng thì tại cuộc họp toàn thể đơn vị. Bản kê khai của những cá nhân khác được niêm yết tại phòng, ban, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị; nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc tổ, đội, nhóm.

c) Bản kê khai của những cá nhân làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

d) Bản kê khai của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp như được nêu tại các điểm b và c mục này.

đ) Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng cá nhân có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

e) Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

g) Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi nhận lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Đối với tổng cục, cục, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc Bộ

a) Lập, phê duyệt danh sách những cá nhân có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng

năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và hướng dẫn tại mục 1 Công văn này để yêu cầu thực hiện việc kê khai; gửi Thanh tra Bộ để theo dõi.

b) Lập danh sách cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp quản lý cán bộ có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập gửi về Bộ GTVT (qua Vụ Tổ chức cán bộ) **trước ngày 30/11/2021** để Bộ phê duyệt.

c) Chỉ đạo cá nhân có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập tại điểm a và điểm b mục này thực hiện kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

d) Tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai theo quy định.

đ) Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai: thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và theo phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động. Trong đó chú ý:

- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận, quản lý bản kê khai của công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý;

- Gửi về Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Giao thông vận tải) **trước ngày 15/12/2021** hai (02) bản kê khai của các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp quản lý cán bộ;

- Gửi về Thanh tra Bộ **trước ngày 15/12/2021** một (01) bản kê khai của tất cả cá nhân có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị để phục vụ công tác kiểm soát tài sản, thu nhập (trừ bản kê khai của các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp quản lý cán bộ); một (01) bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 của tất cả cá nhân có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị để phục vụ công tác kiểm soát tài sản, thu nhập (trừ bản kê khai của các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp quản lý cán bộ).

e) Lập sổ theo dõi kê khai, giao nhận bản kê khai theo quy định.

g) Báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập lần đầu; kê khai bổ sung và kê khai hằng năm về Bộ Giao thông vận tải **trước ngày 05/01/2022**.

5.2. Đối với các tổ chức tham mưu, giúp việc Bộ trưởng, Văn phòng Ban Cán sự đảng và Văn phòng Đảng Đoàn thể

a) Lập, gửi về Vụ Tổ chức cán bộ **trước ngày 30/11/2021** danh sách công chức phải kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và hướng dẫn tại mục 1 Công văn này.

b) Chỉ đạo công chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập, trong đó:

- Tiếp nhận bản kê khai của công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý;

- Gửi về Vụ Tổ chức cán bộ **trước ngày 15/12/2021** hai (02) bản kê khai của các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp quản lý cán bộ;

c) Công khai bản kê khai theo quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập lần đầu; kê khai bổ sung và kê khai hằng năm về Vụ Tổ chức cán bộ **trước ngày 05/01/2022**.

5.3. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện, tổng hợp và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kê khai tài sản, thu nhập đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về kê khai tài sản, thu nhập.

b) Lập danh sách cá nhân thuộc diện Bộ Giao thông vận tải quản lý phải kê khai tài sản, thu nhập trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt.

c) Hướng dẫn việc kê khai lần đầu, kê khai bổ sung và kê khai hằng năm cho cá nhân có nghĩa vụ kê khai.

d) Tiếp nhận, lưu giữ bản kê khai đối với cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp quản lý cán bộ để phục vụ công tác quản lý cán bộ.

đ) Tổng hợp, gửi Thanh tra Chính phủ 01 bản kê khai của cá nhân có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra Chính phủ; chuyển danh sách và 01 bản kê khai của cá nhân có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải theo phân cấp quản lý cán bộ cho Thanh tra Bộ để thực hiện việc kiểm soát theo quy định.

e) Tham mưu cho lãnh đạo Bộ việc công khai bản kê khai của cá nhân giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng và tương đương trở lên theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.4. Thanh tra Bộ

a) Quản lý bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra Chính phủ).

b) Chủ trì tham mưu thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ theo quy định.

c) Chủ trì tham mưu phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ giúp Bộ trưởng trong việc chọn ngẫu nhiên người được xác minh đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ.

d) Chủ trì tham mưu phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ giúp Bộ trưởng trong việc xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ (xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm).

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp gửi báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập (kèm theo Biên bản ghi nhận việc công khai Bản kê khai) về Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày **05/01/2022** theo Phụ lục ban hành kèm theo Công văn này để tổng hợp và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Bộ GTVT yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực hiện nội dung trên./. Lis

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Chính phủ (đề b/cáo);
- Lưu: VT, TCCB (TTA).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thê

Phụ lục

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2021**

*(Kèm theo Công văn số 12573 /BGTVT-TCCB ngày 28 tháng 11 năm 2021 của
Bộ Giao thông vận tải)*

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2021

1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập

- Công tác tuyên truyền, quán triệt các quy định về kê khai tài sản, thu nhập.
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

2. Kết quả thực hiện

NỘI DUNG	KÊ KHAI LẦN ĐẦU NĂM 2021	KÊ KHAI BỔ SUNG NĂM 2021	KÊ KHAI HẰNG NĂM
I. KÊ KHAI TÀI SẢN			
1. Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập			
<i>Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (%)</i>			
2. Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này			
<i>Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (%)</i>			
3. Số người phải kê khai tài sản, thu nhập			

4. Số người đã kê khai tài sản, thu nhập			
II. CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP			
1. Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập			
<i>Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (%)</i>			
2. Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này			
<i>Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (%)</i>			
3. Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được công khai			
<i>Tỷ lệ % so với tổng số bản kê khai</i>			
3.1. Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết			
<i>Tỷ lệ % so với tổng số bản kê khai</i>			
3.2. Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp			
<i>Tỷ lệ % so với tổng số bản kê khai</i>			

b) Kết quả khác (nếu có)

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc
- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn
- Các kiến nghị khác (nếu có).

Nơi nhận:

**Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị
Ký, đóng dấu**